

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994	4,00	,00	1,20	
2	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	6,00	,50	2,20	
3	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	5,50	1,50	2,70	
4	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994	2,50	1,50	1,80	
5	Nguyễn Văn	Công	3671040051	08/01/1994	5,50	,00	1,70	
6	Trần Văn	Kiên	3671040079	15/07/1994	3,00	,00	,90	
7	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	3,00	1,50	2,00	
8	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	5,50	,00	1,70	
9	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	3,00	2,80	2,90	
10	Nguyễn Hồng	Dương	3671040124	18/11/1994	2,50	,50	1,10	
11	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	2,50	3,00	2,90	
12	Nguyễn Hữu	Thường	3671040140	21/06/1993	2,50	3,00	2,90	
13	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	3,00	,50	1,30	
14	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	9,00	1,30	3,60	
15	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	2,50	,50	1,10	
16	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	3,00	,00	,90	
17	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	5,00	,00	1,50	
18	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	3,00	1,00	1,60	
19	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994	3,50	,00	1,10	
20	Trần Bùi Trung	Kiên	3671040221	25/04/1992	6,00	,30	2,00	
21	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	1,50	3,00	2,60	
22	Vũ Ngọc	Đức	3671040274	04/03/1993	5,50	2,00	3,10	
23	Bùi Văn	Vũ	3671040278	04/06/1992	1,00	,00	,30	CT
24	Nguyễn Quang	Trại	3671040280	10/06/1994	4,00	2,00	2,60	
25	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	3,00	,00	,90	
26	Trần	Tiến	3671040329	23/04/1994	5,50	,10	1,70	
27	Phạm Công	Hưng	3671040332	16/10/1993	6,50	,00	2,00	
28	Đông Quang	Ly	3671040344	28/10/1992	3,50	,00	1,10	
29	Huỳnh Ngọc	Tân	3671040354	26/04/1994	3,00	,00	,90	
30	Nguyễn Phát	Tài	3671040366	04/07/1994	4,50	,00	1,40	
31	Lê Quang	Đông	3671040388	02/01/1994	4,00	2,50	3,00	
32	Võ Minh	Cương	3671040422	08/07/1994	2,00	,00	,60	
33	Nguyễn Đức	Trọng	3671040434	07/04/1994	4,00	3,00	3,30	
34	Nguyễn Văn	Khánh	3671040442	21/10/1993	5,00	,00	1,50	
35	Nguyễn Việt	An	3671040452	30/05/1993	6,00	4,30	4,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Hoàng Văn	Trình	3671040455	22/02/1993	4,50	1,30	2,30	
37	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	3,50	2,00	2,50	
38	Nguyễn Tấn	Đạt	3671040471	03/08/1993	3,00	,00	,90	
39	Lê Minh	Mẫn	3671040482	16/10/1994	4,00	,00	1,20	
40	Nguyễn Văn	Mạnh	3671040484	06/09/1994	3,00	,00	,90	
41	Trần Đức	Nhật	3671040495	25/10/1994	3,00	3,00	3,00	
42	Lương Hoàng Phước	Trần	3671040499	19/01/1993	4,00	,00	1,20	
43	Huỳnh Tấn	Phát	3671040505	04/09/1994	4,50	2,50	3,10	
44	Phan Tuấn	Anh	3671040509	19/11/1994	4,50	,00	1,40	
45	Vũ Hải	Đăng	3671040512	19/08/1994	3,00	2,00	2,30	
46	Trần Kim	Hồ	3671040522	20/11/1993	4,00	1,50	2,30	
47	Nguyễn Quốc	Cường	3671040526	12/05/1994	5,00	2,00	2,90	
48	Nguyễn Hữu	Tùng	3671040528	10/12/1993	3,50	2,30	2,70	
49	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994	7,00	2,80	4,10	
50	Trần Minh	Thành	3671040542	26/08/1994	3,00	4,00	3,70	
51	Nguyễn Hoàng	Châu	3671040546	12/06/1994	4,50	1,00	2,10	
52	Phan Hiền	Nhân	3671040568	02/02/1994	3,00	1,80	2,20	
53	Nguyễn Xuân	Dục	3671040573	05/10/1993	3,00	,00	,90	
54	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994	2,50	1,50	1,80	
55	Nguyễn	An	3671040575	24/06/1993	4,50	3,30	3,70	
56	Nguyễn Văn	Nam	3671040580	15/03/1993	6,50	6,30	6,40	
57	Nguyễn Trần Đông	Triệu	3671040615	01/01/1994	3,00	,00	,90	
58	Nguyễn Đình	Chung	3671040622	02/10/1994	7,00	,80	2,70	
59	Biền Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994	4,00	1,80	2,50	
60	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	3,00	1,50	2,00	
61	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994	7,00	2,00	3,50	
62	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	2,50	,00	,80	CT
63	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	2,50	1,30	1,70	
64	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991	3,00	1,50	2,00	
65	Nguyễn Nguyên	Vũ	3671041645	10/05/1994	4,00	,00	1,20	
66	Nguyễn Ngọc	Sang	3671041646	02/01/1993	4,50	1,50	2,40	
67	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	1,00	,00	,30	
68	Nguyễn Hồ Hải	Triều	3671041982	27/06/1993	,00	,00	,00	CT
69	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	6,50	3,00	4,10	
70	Lưu Công	Nghĩa	3671041989	09/01/1994	4,50	4,80	4,70	
71	Nguyễn Thọ	Hoan	3671042003	20/12/1994	7,00	5,00	5,60	
72	Bùi Đình	Thiện	3671042010	09/09/1989	2,00	,00	,60	
73	Huỳnh Tấn	Lâm	3671042021	02/10/1994	2,50	,00	,80	
74	Nguyễn Tuấn	Minh	3671042026	16/10/1994	,00	,00	,00	CT
75	Nguyễn Hồng	Sơn	3671042032	16/10/1992	1,50	,00	,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Trương Quốc	Quân	3671042041	05/05/1994	8,50	3,00	4,70	
77	Trần Việt	Nhân	3671042051	21/06/1994	3,50	,00	1,10	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)